Chương 23

PHONG TỤC - TẬP QUÁN

Tỉnh Sóc Trăng là một vùng đất có sự cộng cư lâu đời của ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Giữa các dân tộc đã diễn ra quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa trên nhiều phương diện của đời sống xã hội, tạo nên sự gắn bó mật thiết giữa các dân tộc. Qua đó nhiều nét văn hóa cũng như phong tục tập quán của các dân tộc pha trộn, đan xen với nhau, tạo nên đặc trưng riêng cho vùng.

1. Phong tục tập quán trong sinh nở của người mẹ và lễ đầy tháng, thôi nôi của trẻ em

Phụ nữ người Kinh thường cúng vái ở trang thờ thần hộ mệnh của mình là "Cửu Thiên Huyền Nữ"... Phụ nữ người Hoa khi có thai, mỗi ngày đốt nhang cúng vái ở bàn thờ Mẹ Thai Sanh (Kim Hoa Nương Nương hoặc Huệ Phước phu nhân).

Đối với người Hoa, trong giai đoạn sản phụ sanh thì thân nhân thường cúng A Púa (còn gọi là Bà Độ Sanh, tức mụ bà độ cho trẻ sơ sinh, hay cúng Mẹ Thai Sanh, còn gọi là Kim Hoa Nương Nương hoặc Huệ Phước phu nhân). Khi trẻ em khóc nhiều hay bệnh thì người nhà đốt nhang khấn A Púa độ trì cho trẻ. Bàn thờ A Púa trong nhà, nơi buồng chỗ nuôi trẻ nhỏ. Khi đầy tháng, người Triều Châu ở Sóc Trăng thường cúng A Púa các món sau: mì sụa (mì chỉ) xào với hẹ, hàm ý cầu mong em bé "sống dai", vì tiếng Triều Châu hẹ là "củ xại" đồng âm với "sống dai", trứng vịt kho với thịt heo (có nơi cúng Mẹ Độ 4 quả trứng vịt nhuộm đỏ) để được "cát tường".

Người Kinh cúng đầy tháng cho trẻ sơ sinh bằng 12 chén xôi, chè để đền ơn 12 bà mụ che chở. Mâm cúng có gà, trái cây, thường do người lớn tuổi (ông nội, ông ngoại) cúng và đặt tên cho em bé. Có gia đình thực hiện nghi thức "cắt tóc máu" cho bé bằng cách cạo sạch tóc, chỉ chừa một chỏm ở đỉnh đầu. Nghi thức này để tóc bé mau mọc dày hơn và xua đi sự yếu ớt, đem lại sự mạnh mẽ. Khi em bé thôi nôi (12 tháng) người Kinh tổ chức nghi thức cho bé bốc đồ vật để tiên đoán nghề

nghiệp tương lai của bé. Nhà nào cũng chuẩn bị một mâm bày gương, lược, bút, nắm xôi, cái kéo thợ may… cho bé bốc. Có gia đình tổ chức lễ thôi nôi như lễ sinh nhật, cho em bé thổi một cây đèn cầy nhỏ tượng trưng, cắm trên một ổ bánh sinh nhật. Dù ảnh hưởng văn hóa phương Tây là thổi nến trên bánh kem, nhưng trong lễ thôi nôi, hầu như gia đình người Kinh nào cũng nấu xôi, chè đưa đi biếu bà con họ hàng để mọi người chúc mừng bé.

Tại vùng nông thôn, trước đây người ta thường rước bà mụ tới nhà đỡ đẻ. Mỗi dân tộc đều có những bà mụ riêng theo tập tục và văn hóa của dân tộc mình và các bà mụ là những người giàu tri thức dân gian về sinh nở.

Người Triều Châu quan tâm nhiều đến nghi thức cúng Bà Độ Sanh khi trẻ em đầy tháng hơn là khi trẻ em đầy năm. Có gia đình có thể không cúng Mẹ Độ Sanh khi trẻ được một tuổi chứ không thể không cúng đầy tháng. Một số gia đình người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng cũng chuẩn bị cho trẻ một tuổi một mâm đựng các thứ như bút, tiền, gương, lược, và nhiều món đồ có ý nghĩa tốt đẹp để trẻ bốc, qua đó tiên đoán tương lai, công việc của trẻ. Cả con trai lẫn con gái đều được tổ chức cúng đầy năm và xem trọng như nhau chứ không phân biệt đối xử.

Những người Triều Châu khi cúng Mẹ Sanh không thể thiếu quả lê, vì tiếng Triều Châu quả lê đồng âm với từ "lái" có nghĩa là "lợi" mục đích để cầu lợi cho trẻ sơ sinh.

+ Khi em bé tròn một tháng tuổi gia đình cúng chè đậu, xôi, vịt luộc. Van vái thần linh phù hộ cho em bé mạnh lành, mau lớn (thường còn ông bà nội thì ông bà nội cúng). Vào ngày em bé đầy tháng, người Hoa ở Sóc Trăng may cho em bé chiếc áo màu đỏ hoặc hồng; tượng trưng cho điềm lành, điềm may mắn. Chiếc áo này thường may theo kiểu cổ xéo như áo cà sa của nhà sư, ngụ ý để bé được Phật che chở, đặc biệt là áo không được đính nút. Người ta cũng đeo cho bé một miếng ngọc thạch nhỏ hoặc đồng xu khắc 4 chữ " Trường sinh bản mệnh" để cầu mong em bé được khỏe mạnh;

+ Khi em bé thôi nôi gia đình cúng chè, xôi, heo quay, mời bà con lối xóm đến dự (riêng người Quảng Đông thì tặng cho những người đến dự một quả trứng nhuộm đỏ để chúc phúc, chúc lành cho em bé).

Tại Mỹ Xuyên, người Hoa Triều Châu cho biết vùng này tổ chức ngày lễ thôi nôi của em bé để đánh dấu ngày em phải "dứt sữa", gia đình có phong tục lấy một trứng vịt hoặc gà luộc, vỏ trứng nhuộm đỏ (biểu tượng của "cát tường"), đặt dưới gầm bộ ván để các em bé chui vào nhặt trứng ăn. Người ta giải thích rằng khi em bé đúng 12 tháng đã bắt đầu có trí khôn phán đoán. Tập tục này không chỉ đánh dấu ngày em bé bắt đầu lớn, dứt sữa, "muốn ăn hột vịt phải chui dưới sàn", với ý nghĩa gần giống như "muốn ăn phải lăn vào bếp" mà còn được giải thích như là một "test" (kiểm tra, thử nghiệm - *BT*) tâm lý đánh giá trí thông minh và sức

khỏe của các em bé. Người Hoa Triều Châu cho rằng bé nào biết chui vô gầm ván nhặt quả trứng ăn thì em đó dễ dạy, ngoan, thông minh, còn bé nào không chui vào gầm ván nhặt trứng thì hoặc là lười nhác, ỷ lại hoặc nhút nhát, yếu ớt, trí thông minh chưa phát triển...

Như vậy trong nghi thức lễ thôi nôi, em bé bốc một món đồ vật để người lớn tiên đoán nghề nghiệp tương lai của bé hay nghi thức thảy trứng vịt luộc nhuộm đỏ vào gầm ván cho em bé bò vào nhặt trứng ăn là những nghi thức đánh dấu giai đoạn một tuổi, các bé bắt đầu vượt được một ngưỡng khó khăn trong cuộc đời mình.

Các bà mụ (dây chmop) của người Khmer tại Sóc Trăng như bà Xà Um (80 tuổi), bà Cụm Mau (82 tuổi) ở ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Thuận, huyện Ngã Năm... nổi tiếng về các bài thuốc dân gian và giúp nhiều sản phụ sinh nở bình yên. Họ cho sản phụ mới sanh xong uống các loại thảo mộc tạo nhiều sữa như lá cây vú sữa đất (tư kdot khle), lá sữa cọp (ằm pê), đọt cây gừa (pek pòn rót)...

Sau khi sinh, sản phụ lẫn trẻ sơ sinh vẫn có thể còn bị nhiều tai họa, người Khmer cho rằng do ma quỷ gây ra nên họ tiếp tục trấn yểm tà ma bằng cách treo khúc cây xương rồng long trụ có 4 ngạnh (tiếng Khmer là "ừm bọn yak", có nghĩa là "gậy của ông Chằn").

Ngày xưa, trẻ sơ sinh khó nuôi nên người ta cũng có nhiều kiêng kỵ bằng cách cho trẻ đeo bùa ở cổ. Trẻ em Khmer một tháng là được làm "nghi thức cắt tóc trả ơn mụ" (pi thi kat sok dây chmop), gia đình mời bà mụ tới trả ơn. Lễ vật gồm vải, con gà, trái cây, lúa, slachchôm, đèn cầy… Em bé sẽ được bà mụ cắt tượng trưng một chỏm tóc nhỏ và được mọi người chúc lành.

2. Phong tục tập quán tuổi thanh thiếu niên

Người Kinh ở Sóc Trăng trước đây cũng như hiện nay vẫn còn quan tâm đến tuổi 12 của nam thiếu niên. Khi bé trai vào tuổi 12, người ta đưa bé trai vào chùa để "cúng dứt căn", vì dân gian quan niệm trẻ em từ 1 tuổi đến 12 tuổi là giai đoạn nhiều khó khăn, bất trắc về thể chất, dễ bệnh tật, khi qua khỏi tuổi 12, trẻ thường khỏe mạnh dần lên, rất hiếm khi bệnh tật, do đó khi bé trai bước qua tuổi 12 người ta thường "cúng dứt căn" để tạ ơn Trời, Phật.

Người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng lại xem trọng nghi lễ chuyển đổi vào năm con của mình được 15 tuổi nên cúng kiếng như một cách đánh dấu giai đoạn "tuổi thành đinh". Tuổi 15 tiếng Triều Châu gọi là "xúc hui hứng" có nghĩa là "Ra vườn hoa", ý chỉ tuổi này bắt đầu gặp được những đều tốt đẹp, mới lạ như là bước vào một khu vườn đầy hoa tươi đẹp chào đón. Để đánh dấu thanh thiếu niên vào tuổi 15, gia đình người Hoa Triều Châu ở Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu... thường chuẩn bị món mì sụa (biểu tượng chỉ sự trường thọ), trứng vịt và thịt kho cùng trái cây, bánh tổ để cúng Mẹ Sanh, Mẹ Độ. Người Hoa tổ chức cúng trang trọng, mời họ hàng đến ăn cơm và tặng quà cho các cô gái, chàng trai vào tuổi 15. Đây

cũng có thể xem là một dạng của nghi lễ chuyển đổi từ tuổi thiếu niên sang tuổi bắt đầu trưởng thành. Dù nghi lễ này chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình nhưng cũng nói lên được vị trí của thanh thiếu niên người Hoa Triều Châu đã được xã hội thừa nhận và trân trọng hơn.

Tài liệu thư tịch xưa từng nhắc đến nghi thức tục "vào bóng mát" của thiếu nữ Khmer, nhưng thật sự các thông tin về vấn đề này quá mơ hồ. Hiện nay chỉ còn nghi thức đi tu của các bé trai dân tộc Khmer. Vào khoảng 12 tuổi, con trai được cha mẹ gửi vào chùa tu một thời gian để báo hiếu cho cha mẹ và học ngôn ngữ Pali, Khmer cũng như về kinh luật.

Khi gia đình đưa các em trai Khmer ở tuổi 12 vào chùa tu vì người dân cho rằng ở tuổi này nam thiếu niên còn ngây thơ trong sạch, các em đi tu ở tuổi này cha mẹ mới được phước nhiều. Hiện nay phần lớn thiếu niên Khmer ở tuổi 12 đang đi học ở trường phổ thông nên ít gia đình cho các em đi tu, song tại các chùa Trà Sết và Pràleng ở Vĩnh Hải, Vĩnh Châu có đến 14 thiếu niên Khmer ở độ tuổi 12 - 14 tu học ở đó với cấp độ sa di (năm 2007).

3. Phong tục tập quán trong hôn lễ

Thời điểm trước và sau năm 1945 đã đánh dấu những sự thay đổi trong phong tục tập quán về hôn lễ của người Kinh tại Sóc Trăng nói riêng và Nam Bộ nói chung. Chiến tranh và khủng hoảng kinh tế thời điểm những năm 40 - 50 của thế kỷ XX đã tác động sâu xa làm biến đổi nhiều lĩnh vực đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của người dân. Trước năm 1945, hôn lễ của người Kinh vẫn còn gần như đủ lục lễ (nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kỳ và thân nghinh); khi rước dâu đến trước cổng nhà chú rể đều có bàn thờ tơ hồng để cô dâu, chú rể thắp nhang cảm tạ "ông tơ bà nguyệt". Tại bàn thờ tơ hồng này thường bày đôi ngỗng, tượng trưng cho đôi uyên ương. Sau năm 1945 cho tới nay nghi thức này hầu như không còn nữa.

Trong lễ hỏi, lễ cưới của người Kinh trước năm 1945 đều có mâm trầu khiêng rất bề thế, do 2 hoặc 4 người khiêng. Mâm trầu hình trụ bằng gỗ, chạm trổ tinh xảo, có nắp đậy. Người ta chỉ cần nhìn búp hoa sen bằng giấy màu hồng gắn trên nắp mâm trầu là có thể biết đó là lễ hỏi; còn nếu thấy bông hoa sen bằng giấy nở xòe cánh gắn trên nắp mâm trầu thì phân biệt ngay đó là lễ cưới.

Sính lễ trong hôn lễ thường có: khay hộp, mâm quả và đôi đèn cầy to. Bên trong khay để bộ đồ uống rượu gồm một cái nhạo, hai cái chung nhỏ và hai chiếc hộp trầu hình trụ bằng bạc chạm hoặc sơn mài, bên trong hộp có sáu miếng trầu, tượng trưng cho quá trình cưới hỏi này xưa phải qua sáu lễ (cho dù ngày nay người dân chỉ còn duy trì hai lễ: lễ hỏi và lễ cưới). Ở Sóc Trăng do giao lưu văn hóa, cả ba dân tộc đều sử dụng hộp quả là chiếc cà nả, loại giỏ đương bằng mây có hai hoặc ba ngăn cùng một quai to để xách. Bên ngoài

chiếc cà nả có nhiều hình được vẽ và sơn nhiều màu sắc. Những chiếc cà nả ở vùng biển Vĩnh Châu thường vẽ hình cá như một biểu tượng về văn hóa biển. Giỏ cà nả có nguồn gốc của người Hoa Triều Châu, chức năng ban đầu của nó dùng đựng tư trang của cô dâu mà hai cô phù dâu thường xách theo để đưa cô dâu về nhà chồng.

Sính lễ trong cưới hỏi của ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa ở Sóc Trăng có đôi nét khác nhau ở mức độ nhất định. Tùy theo hoàn cảnh kinh tế của nhà trai mà sính lễ có sự gia giảm, nhưng cơ bản thường gồm các loại sau:

+ Đôi đèn;

+ Mâm trầu khiêng;

+ Các mâm quả trái cây và bánh;

+ Một con "heo đứng";

+ Nữ trang hoặc tiền.

Trước năm 1945, đám cưới phải có con "heo đứng" mới đủ lễ. "Heo đứng" là con heo thật, nặng trên 60 kg, được tắm sạch, bôi sơn đỏ với ý nghĩa "đại cát". Về sau chuyển thành con "heo nằm", để chỉ số tiền mặt tương ứng với giá tiền con "heo đứng" để nhà gái có thể dùng số tiền ấy sau này tìm mua con heo cho ưng ý. Phong tục đưa sính lễ bằng "heo nằm" phổ biến trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp vì gọn nhẹ, nhất là khi lễ rước dâu phải di chuyển vào ban đêm, hoặc rước dâu bằng ghe xuồng trong thời chiến tranh.

Điểm đặc biệt tại Nam Bộ là trong lễ hỏi của người Kinh, nhà trai thường tặng cô dâu tương lai đôi bông tai, do đó các cô gái Sóc Trăng thời trước khi đeo "đôi bông tai" là dấu hiệu đã đính hôn.

Mâm trầu khiêng thời ấy phải đủ 64 lá trầu tươi, đẹp (chia ra 8 xấp, mỗi xấp 8 lá) cùng buồng cau tươi tốt đủ quả, được phủ khăn đỏ. Theo phong tục trước đây, ba ngày sau khi cưới, con rể đưa vợ trở về nhà vợ thăm viếng, mang theo đôi vịt để tạ ơn cha mẹ vợ và làm lễ giở mâm trầu. Cô dâu, chú rể cùng cho tay vào mâm, dưới lớp khăn đỏ, chọn hái đôi quả cau no tròn và lấy các lá trầu tươi tốt mang số chẵn, qua đó họ sẽ tiên đoán về cuộc sống hôn nhân của mình[1]. Dần dần do hoàn cảnh cuộc sống thay đổi, hiện nay người ta đều thực hiện nghi thức giở mâm trầu ngay trong lễ cưới, trước khi rước dâu.

Cô dâu, chú rể người Kinh ở Sóc Trăng cũng như Nam Bộ ngày xưa mặc quần áo dài màu đen trong ngày cưới là phổ biến vì màu đen được quan niệm là màu lành. Trang phục cưới trước đây của cô dâu chú rể thường hai quần, hai áo, tượng trưng cho sự đủ đôi, đủ cặp trong hôn lễ. Chân họ cũng không đi giày, guốc vì sợ trượt chân té ngã trong ngày cưới là điềm hôn nhân gẫy đổ, sâu xa hơn là do quan niệm phận con cháu, không dám đi giày, guốc sợ thất thố với các bậc trưởng thượng, tiền bối trong

1. Theo Trương Ngọc Tường, ý nghĩa của mâm trầu cau như sau: mâm tròn (tượng trưng cho Thái cực), hai buồng cau có số trái chẵn, no tròn, đặt song song giữa mâm (tượng trưng cho Lưỡng nghi). 64 lá trầu xanh tươi, đẹp chia làm 8 xấp, mỗi xấp 8 lá để 4 và 8 góc mâm (tượng trưng cho tứ tượng và bát quái). Bát quái chuyển dịch thành 64 quẻ (Kinh Dịch) tượng trưng xã hội loài người, trong đó đạo vợ chồng là thiêng liêng nhất.

thân tộc. Ngày nay dù theo trào lưu thời trang hiện đại, cô dâu Kinh nếu chọn áo soirée (soa rê) voan trắng thì chỉ mặc trong tiệc cưới chứ vẫn không khi nào mặc áo trắng lúc làm lễ gia tiên trước bàn thờ vào ngày rước dâu. Cô dâu người Kinh bao giờ cũng chọn áo cưới màu đỏ, màu hồng làm biểu tượng cho sự tươi đẹp, tốt lành khi làm lễ gia tiên.

Tại Sóc Trăng, người Hoa còn giữ những phong tục lâu đời của tộc gốc. Người Triều Châu phân biệt ba giai đoạn trong hôn lễ: đám hỏi (chìa lão hía), trước đám cưới (lọ pên) và đám cưới (cát hun).

Theo phong tục của người Hoa tại Long Phú, từ xưa tới nay vào dịp lễ đính hôn, nhà gái tặng nhà trai hai chậu nhỏ cây "xua xáo" (xuân thảo - cỏ xuân), là một loại cỏ hình dạng giống như hẹ. Hai chậu xuân thảo được thắt chỉ đỏ là biểu tượng cát tường. Chú rể đem hai chậu xuân thảo về trồng, săn sóc cho cỏ mọc sum suê tốt tươi, điều đó mang ý nghĩa tượng trưng cho đôi vợ chồng tương lai sẽ làm ăn khá giả, mãi mãi xanh tươi thủy chung với nhau.

Người Hoa ở Mỹ Xuyên ngày xưa có tục xin bỏ "Hàng rào thưa" (cùa tìa) với ý nghĩa như là "bỏ cọc' hôn ước với nhà gái.

Trong nghi lễ đám hỏi, thông thường nhà trai mang sính lễ sang nhà gái gồm các mâm quả cơ bản dưới đây, tùy theo điều kiện kinh tế từng gia đình có thể gia, giảm:

Sính lễ trong ngày cưới của người Kinh ở Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

- Mâm quả trầu cau;

- Mâm quả đựng đùi heo trước;

- Mâm quả đựng đầu heo;

- 4 chai rượu và trà;

- Vải để may 4 bộ quần áo tặng cô dâu;

- Cặp kim huê và cặp đèn cầy;

- Một số tiền chẵn, thường theo cấp số 4 vì là số may mắn, ví dụ 4 triệu 4 trăm 40 nghìn đồng (4.440.000);

- Nữ trang tặng cô dâu;

- Mâm quả thèo lèo (muối chía). Tùy theo yêu cầu của nhà gái, số thèo lèo có thể từ 10 kg đến 100kg để nhà gái chia cho họ hàng, gia tộc. Người Hoa quan niệm đây là cái duyên của người con gái, vì cô gái nào có cưới hỏi, có thèo lèo chia cho bà con là phúc của cha mẹ. Sở dĩ trong hôn nhân người Triều Châu thường sử dụng thèo lèo vì nó gồm 5 loại ngũ cốc (đậu phụng, mè đen, mè trắng, nếp, đậu xanh) và 5 màu (trắng, đen, đỏ, vàng, xanh) tượng trưng cho "ngũ đại đồng đường". Lễ vật trong ngày cưới cũng giống như đám hỏi, chỉ thêm đùi heo sau thay vì đùi heo trước và mâm quả bánh long phụng.

Ngoài ra, vì mong ước cô dâu tính nết dịu dàng, ngoan ngoãn mà trong sính lễ nhà trai Triều Châu xưa kia còn có khô mực, vì khô mực phát âm là "diều hứ", đồng âm với "dịu dàng"…

Trước kia sính lễ thường 12 mâm, hiện nay chủ yếu còn 8 mâm, luôn luôn là số chẵn. Các mâm quả lễ cưới phải phủ kín bằng tấm vải đỏ, không cho ai thấy trước khi mở vải phủ thì cuộc hôn nhân mới tốt. Sau lễ cúng ở bàn thờ gia tiên, hai ông thông gia hay hai bà thông gia cùng mở các tấm vải đỏ ra xem lễ vật. Nhà gái sẽ giữ một nửa số đồ vật sính lễ từ các mâm quả đó, còn một nửa thì "dằn quả" cho nhà trai.

Người Hoa Triều Châu thường "giở mâm trầu" ngay trong lễ cưới, cha mẹ chú rể giở mâm trầu, chú rể lấy cau, cô dâu lấy trầu cho đủ cặp rồi đổi nhau. Hiện nay, có nơi người ta thay trầu cau bằng bông hoa làm bằng giấy. Cô dâu chọn một bông hoa, chú rể chọn một bông hoa, sau đó đổi cho nhau rồi cài lên áo.

Sính lễ của người Hoa trong lễ đính hôn cũng như lễ cưới không thể thiếu đầu heo, nọng heo, đùi heo. Sở dĩ sính lễ trong hôn ước không thể thiếu đùi heo vì người Hoa Triều Châu quan niệm "đùi heo để cúng ông bà", nhưng người ta luôn phân biệt sính lễ trong lễ hỏi là đùi heo trước; còn sính lễ trong đám cưới thì đùi heo sau và đuôi heo. Vì vậy chỉ cần nhìn mâm quả để đùi heo, thấy đùi trước hay đùi sau là biết ngay lễ hỏi hay lễ cưới.

Người Hoa ở Sóc Trăng giải thích là sính lễ trong lễ hỏi, lễ cưới phải có đủ đùi heo trước, đùi heo sau và đuôi heo nhằm ý nghĩa nhắc nhở hai gia đình thông gia ăn ở, cư xử với nhau sao cho "có trước có sau". Ngoài đùi heo, sính lễ của người Hoa ở đây còn có đầu heo với nọng thịt. Về nọng thịt heo thì nhà gái sẽ giữ lại một phần để cúng ở bàn thờ "Ông Bổn" của nhà mình, còn thì "dằn quả" cho nhà trai. Riêng với đầu heo thì theo phong tục, nhà gái không

cần "dằn quả" mà giữ lại hết cho gia đình mình, có lẽ chính vì phong tục này mà trong dân gian ở Sóc Trăng có thành ngữ: "Gả con gái ăn đầu heo". Trong trường hợp để chỉ những lễ cưới nghèo tại địa phương, người dân dùng phổ biến câu thành ngữ sau:

"Có tiền đầu heo, nọng thịt
Không tiền cặp vịt[1] đôi bông"

Tại Sóc Trăng, do cùng cộng cư với nhau lâu đời và có quan hệ hôn nhân với nhau nên giữa người Kinh và người Hoa đã có những sắc thái ảnh hưởng nhau trong phong tục hôn lễ. Trong lễ hỏi và lễ cưới của người Kinh ở Sóc Trăng hiện nay cũng thấy có sính lễ là đùi heo giống như tục lệ của người Hoa.

Trong lễ cưới của người Hoa hiện nay vẫn còn giữ tục "huổi thúng" như xưa, đó là khi nhà trai rước dâu về, mẹ chồng giữ không cho cô dâu mới dẫm chân lên ngạch cửa bằng cách đặt mẻ than hồng cạnh ngạch cửa và hướng dẫn cho cho cô dâu bước qua cho đúng cách, vì người ta tin rằng nếu làm sai, sẽ nguy hiểm tới sinh mệnh mẹ chồng. Ý nghĩa sâu xa hơn nữa vì người ta cho rằng hành động cô dâu dẫm chân lên ngạch cửa nhà chồng là ngỗ ngược, không tôn trọng phép tắc nhà chồng, vì thế nên khác với người Kinh, mẹ chồng là người Hoa theo phong tục cổ thường không đi rước dâu mà ở lại nhà lo chuẩn bị mọi nghi thức hôn lễ theo phong tục tập quán. Khi cô dâu gần đi tới ngạch cửa thì mẹ chồng và vài người phụ nữ của nhà trai đã nhắc nhở. Phong tục cô dâu không giẫm chân lên ngạch cửa nhà chồng mà nên bước qua mẻ than hồng ý nghĩa nhắc cô dâu bước qua mẻ than để sang năm sinh được con trai, vì sinh được con trai là ước mong lớn của người Hoa để "nối dòng nối dõi". Xưa kia nếu cô dâu không biết mà lỡ dẫm lên ngạch cửa, mẹ chồng sẽ hóa giải điềm xấu đó bằng cách giả vờ xách chổi rượt, hoặc cô dâu giả vờ đội cái chảo lên đầu, mẹ chồng đập lên chảo tượng trưng 3 cái (để xóa bỏ đi điềm ngỗ ngược của con dâu).

Người Hoa ở Long Phú có phong tục cô dâu trước khi về nhà chồng phải mua tặng nhà chồng một xấp vải đủ may một cái quần (vì trong tiếng Quảng Đông, "quần" đồng âm với "phú", chỉ sự giàu có) và xấp vải đó được xếp theo hình miệng chậu (theo tích "chậu vàng" để chỉ sự giàu có, gia đình sung túc, con cái tốt đẹp, đủ vợ đủ chồng). Chỉ có các bà cụ người Hoa mới biết cách xếp vải ra hình chậu vàng (hoặc còn xếp vải theo hình cái yếm, kèm theo 12 trứng gà nhuộm đỏ với ý nghĩa cầu mong sự cát tường cho cô dâu chú rể). Ở Sóc Trăng, theo phong tục cô dâu cũng tặng cha chồng 1 phần quà, gồm có:

- Một cái áo (áo sơ mi may sẵn hoặc một xấp vải đủ để may áo);
- Một cái khăn mặt;
- Một hộp kẹo (có ý nghĩa như cô

1. Cặp vịt sử dụng trong lễ cưới có ý nghĩa là hai con chim "*uyên*" và chim "*ương*" theo truyền thuyết ở Trung Quốc, cũng như cặp gà để chỉ hai con *"phụng"* và *"hoàng"*, tượng trưng vợ chồng gắn bó.

dâu hứa khi về với gia đình chồng sẽ cư xử ngọt ngào);

- Một phong bao đựng món tiền tượng trưng, luôn luôn chẵn (như 100.000; 120.000; 200.000…) hàm ý cô dâu mới sẽ đem lại sự no đủ cho gia đình chồng.

Cô dâu không chỉ tặng quà cho cha chồng mà còn có thể tặng cho anh, chị, em của chồng tương lai những món quà mang ý nghĩa biểu trưng tương tự như trên.

Một ngày trước lễ cưới, đại diện nhà trai (thường là người rể phụ) sẽ sang nhà cô dâu dán đôi liễn giấy đỏ có hai chữ mạ vàng "Thiên tác" và "Hảo hiệp" ở hai bên cánh cửa chính.

Trong lễ cưới, theo phong tục của người Hoa ở Sóc Trăng, dẫn đầu đoàn nhà trai đi rước dâu là hai bé trai xách hai bình rượu hoặc hai lồng đèn cưới. Về trang phục, theo lời các cụ già người Hoa ở Kế Sách kể, cách nay khoảng 60 năm, trang phục cưới của chú rể người Hoa ở Sóc Trăng là bộ "tần xua xa" (áo dài kiểu Trung Quốc), đội nón nỉ. Cô dâu cũng mặc bộ "tùa tàn xa" (quần dài với áo ngắn dài tay hay váy dài (cúng) và áo (sa) ngắn) màu vàng hoặc màu hồng sậm. Trang phục này do nhà trai tặng tiền vào dịp lễ hỏi để cô dâu mua vải tự may. Từ nửa sau thế kỷ XX, theo trào lưu trang phục Âu hóa, các chú rể hầu hết đầu quen mặc vestons, riêng cô dâu người Hoa phần lớn còn giữ trang phục cưới truyền thống, đó là bộ "lùng phùng xám" (váy, áo có hình long, phụng) hoặc áo dài Thượng Hải (sường xám) gấm đỏ để mặc khi bái từ đường nơi bàn thờ tổ tiên. Cô dâu có khi đội mũ cài 2 chim phụng. Riêng trong tiệc cưới, cô dâu người Hoa theo thời trang cũng chọn trang phục đầm soirée màu vàng hoặc màu hồng, hai màu này được các cô dâu người Hoa ở Sóc Trăng hiện nay ưa chuộng nhất.

Theo phong tục, ở Sóc Trăng, trước ngày cưới một hôm, nhà trai đem thèo lèo và trà ra miễu Ông Bổn hay miễu Ông Tà (ảnh hưởng người Khmer) của xóm để cầu xin thần linh phù hộ cho hôn lễ. Người Hoa còn giữ tục cúng tam sanh (trứng vịt, thịt heo, khô mực) cho "Ông Bổn" để cầu phúc đức.

Hệ thống bàn thờ trong nhà người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng có khoảng 5 cái, bàn thờ ở giữa nhà có chữ "Thần" là bàn thờ "Ông Bổn"[1]; Bàn thờ tổ tiên có chữ "Tổ" hoặc "Tổ đường"; Bệ thờ Thổ Địa; Thần Tài ở mặt đất, phía dưới bàn thờ Ông Bổn; Bàn thờ Ông Táo dưới bếp; Bàn thờ thần Quan ở ngoài sân. Trong lễ "lọ pện" (trước đám cưới), sính lễ của người Triều Châu đều có "kim huê"[2], đèn cầy, xem nhà vợ có bao nhiêu bàn thờ thì đi bấy nhiêu cặp kim huê. Thường nhà người Hoa có 5 bàn thờ, mỗi bàn thờ cúng một cặp kim huê. Trước tiên, cô dâu,

1. Chữ "Thần" ở bàn thờ nhà người Hoa có nghĩa là "Thần minh", chủ yếu là tín ngưỡng thờ "Ông Bổn", một dạng thổ thần bảo hộ cư dân. Có nơi ở Sóc Trăng người Hoa gọi là bàn thờ Lào Ía, một vị thần linh có chức năng chữa bệnh, ngăn trừ tà ma xâm nhập, bảo hộ cho con người.

2. Kim Huê là cây hoa làm bằng giấy trang kim màu vàng, dùng để cắm vào bát hương trên bàn thờ.

Lễ cưới của người Hoa ở Vĩnh Hải, Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

chú rể làm lễ, lạy ở bàn thờ Ông Bổn trước, sau đó mới lạy ở bàn thờ Tổ và các bàn thờ khác. Kim huê có ý nghĩa tượng trưng là "y quan tấn lộc", vì xưa kia người con trai thi đỗ trạng nguyên cũng cúng cặp kim huê lên bàn thờ, nay lập gia đình cũng được xem như "đại đăng khoa".

Người Hoa ở Sóc Trăng không có tục nhận "của hồi môn" do cô dâu đem về nhà chồng, có lẽ vì một phần người dân hầu hết thuộc tầng lớp bình dân. Tại Vĩnh Hải có hình thức "Hội mừng pác", người ta tặng quà cưới cho cô dâu ở miễu Bà trong xóm.

Người Khmer kiêng kỵ không bao giờ tổ chức hôn lễ vào những ngày nhập hạ (Chôl vôssa), tức 3 tháng mùa mưa (từ rằm tháng 6 đến rằm tháng 9 âm lịch), bởi họ tin kết hôn vào mùa này sẽ thê lương, không may mắn, không có sự ban ơn chở che của Chư Thiên, Đức Phật, nên họ thường tổ chức hôn lễ vào thời điểm mùa khô, khoảng tháng 1 đến tháng 4 dương lịch (trước lễ mừng năm mới Chôl Chnăm Thmây).

Trước khi tiến hành lễ cưới, nhiều gia đình Khmer tổ chức lễ dạm (si sla đok) và lễ hỏi (si sla kanh sênh).

Trong xã hội người Khmer, một chàng trai nếu đã từng trải qua thời gian tu ở chùa thì xem như đã được bảo đảm về tiêu chuẩn đạo đức và là đối tượng chọn lựa của các cô gái Khmer[1]. Trong

1. Thanh niên Khmer đi tu ở chùa với ý nghĩa trước tiên và cốt lõi là báo hiếu cho cha mẹ, sau đó mới bảo đảm đạo đức được rèn luyện để trở thành người đàn ông tốt.

văn học dân gian Khmer Sóc Trăng có bài Sầmpua me hơi (nghĩa là xin cha mẹ) thể hiện quan điểm này.

Cây bồ kết đầu mùa lá rụng

Anh tu rồi sẽ cưới em ngay... [1]

Theo phong tục, lễ cưới của người Khmer Nam Bộ tại Sóc Trăng còn bảo lưu khá nhiều nghi thức cổ truyền và nghi thức nào cũng có màn múa như múa mở rào, múa cắt tóc, múa cắt hoa cau, múa buộc chỉ tay, múa cuốn chiếu, múa mở mùng.

Trong lễ cưới, người múa luôn là ông maha palir, tức ông mai bên nhà trai, ông này cũng là người chủ động trong mọi nghi thức của đám cưới. Còn ông mai bên nhà gái thụ động hơn, chủ yếu giữ vai trò chứng kiến mọi nghi thức. Tại huyện Kế Sách có những ông maha palir thông thạo phong tục tập quán cưới hỏi và múa rất nhuần nhuyễn, như ông Kim Cho ở xã Tập Rèn...

Trong lễ mở cửa rào (a pea pi piea) của người Khmer, khi đoàn nhà trai bưng lễ vật đến, nhà gái chặn cửa bằng một hàng rào tượng trưng với những nhánh cây gai (ngăn ngừa ma quỷ vào nhà). Đoàn rước dâu đem sính lễ qua nhà gái theo cách rất giống người Hoa, đó là gánh lễ vật. Người ta nhờ nam giới bưng mâm trầu cau và gánh lễ vật cưới vì quan niệm nam giới có sức mạnh, vững chãi, nhanh nhẹn, chứ không nhờ phụ nữ gánh vì cho rằng phụ nữ yếu ớt, nhỡ vấp té sẽ gây xui xẻo cho cuộc hôn nhân.

Quan sát các lễ cưới của người Khmer ở Kế Sách, Mỹ Tú, Vĩnh Châu... có những lễ vật khá giống của người Hoa, nhất là lễ vật cũng được gánh với khoảng 10- 12 gánh, gồm có rau cải, một chục con vịt (mỗi con khoảng 2kg); 15 con gà (vì gia đình nhà gái yêu cầu số gà vịt như trên để nấu món "gà tiềm, vịt luộc"); một mâm quả để cái đầu heo; 4 mâm rượu, trầu cau, trà mứt, thèo lèo. Đặc biệt lễ vật trong ngày cưới của người Khmer không thể thiếu buồng hoa cau.

Đoàn rước dâu có hai cô gái, một người ôm cặp gối, một người bưng giỏ quần áo của cô dâu (vì nam không bao giờ được bưng quần áo của cô dâu).

Cô dâu Khmer mặc xămpốt, áo chẽn ngắn, tay phồng (kiểu y phục cổ truyền của người Khmer), tóc bới cao và đội mũ "sài an" hình tháp. Còn chú rể mặc xămpốt hôl truyền thống và áo tay dài. Hôn lễ của người Khmer thường diễn ra khoảng 2 ngày.

- Ngày đầu là nhóm họ (bôs kòn têl)

+ Nhà trai mang sính lễ sang. Ông achar pàlir múa mở hàng rào xin đường để vào nhà gái. Sau đó ông achar pàlir múa nghi thức cắt bông cau. Buồng cau đẹp được cắt làm ba nhánh rồi đặt lên bàn thờ cho cô dâu chú rể cúng lạy kính cẩn. Nghi thức này xuất phát từ truyền thuyết bốn anh em kết nghĩa, một người trong số đó cưới được vợ

1. Xem: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa Ngữ văn và báo chí, Chu Xuân Diên (Chủ biên): *Văn học dân gian Sóc Trăng*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 565.

trải qua nhiều khó khăn nhưng nhờ sự giúp đỡ của ba người kia nên trong phong tục cưới, với ý nghĩa sâu xa hơn, cô dâu chú rể Khmer bao giờ cũng thể hiện sự nhớ ơn sâu sắc những người đã tác hợp hôn nhân cho mình. Tiếp theo ông achar pàlir xếp cho cô dâu, chú rể ngồi hai bên, mâm trầu cau ở giữa để làm nghi thức cắt tóc. Achar pàlir vừa múa vừa cầm kéo cắt tóc tượng trưng cho cô dâu chú rể. Buổi tối người nhà gái rước 6 nhà sư ở chùa tới tụng kinh chúc hạnh phúc cho cô dâu, chú rể, cô dâu, chú rể kính cẩn ngồi thỉnh lễ;

+ Sau đó cô dâu, chú rể dắt tay nhau vào phòng hoa chúc ở nhà gái. Trong phòng ấy người ta dọn sẵn một mâm cơm riêng để cô dâu chú rể mời nhau ăn.

- Ngày thứ hai là "buộc chỉ cổ tay" (xixơpuôk).

+ Vào khoảng 6 đến 7 giờ sáng, mặt trời vừa chớm mọc, người ta đưa cô dâu, chú rể ra ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu trải ở nền đất. Mỗi người lạy chào mặt trời 3 lạy, sau đó cô dâu, chú rể vào nhà để nghe các vị sư đọc kinh chúc hạnh phúc. Khoảng vài năm nay, nghi thức chào mặt trời hầu như hiếm thấy;

+ Đến nghi thức lễ cột tay (chon đay), ông achar pàlir múa trong lúc cha mẹ cô dâu chú rể ngồi hai bên, cô dâu chú rể ngồi ở giữa song song, cạnh nhau và hơi cúi mọp người, hai cánh tay tựa duỗi dài trên hai chiếc gối mới. Theo phong tục cổ truyền Khmer, người ta cột tay cô dâu, chú rể bằng chỉ trắng, mục đích kết gắn hai người hạnh phúc bên nhau suốt đời;

+ Nghi thức tiếp theo là lễ cuốn chiếu, ông achar pàlir hướng dẫn chú rể múa

Nghi thức cột tay (chon đay) trong Lễ cưới người Khmer ở Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

cuốn chiếu, tay chú rể cầm thanh gươm vừa múa vừa cuốn chiếc chiếu, hành động này theo truyền thuyết nhằm ngụ ý chú rể trừng phạt "kẻ thứ ba" phản bội, xen vào hôn nhân của mình, sâu xa hơn đó là điều nhắc nhở cô dâu chú rể cần luôn cảnh giác, bảo vệ hạnh phúc của gia đình;

+ Cô dâu, chú rể lạy cha mẹ hai bên và chờ bà con họ hàng đến tặng quà, chúc mừng, sau đó gia đình đãi tiệc cưới. Khi tiệc tàn, người ta rước cô dâu về nhà chồng.

Người Khmer có một loại bánh đặc biệt không thể thiếu trong lễ cưới, đó là num khnhây (bánh củ gừng), bánh được xếp hai đĩa hình tháp, bày trên bàn thờ Phật. Bánh củ gừng tượng trưng cho sự đâm chồi, mọc nhánh, như lời chúc cô dâu, chú rể sẽ có nhiều con cháu. Người Kinh và người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng cũng ảnh hưởng người

Lễ cưới của người Khmer ở Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

Nghi thức "đón bình minh" cho chú rể, cô dâu người Khmer "Chào mặt trời" trong hôn lễ truyền thống

Ảnh: Yến Tuyết

Khmer khi sử dụng bánh củ gừng, đặt hai đĩa bánh hai bên bàn thờ theo hình như cây hoa hay nhánh san hô.

4. Phong tục tập quán trong nghi thức mừng thọ

Người Kinh và người Hoa ở Sóc Trăng đều tổ chức lễ mừng thọ cho ông bà, cha mẹ. Khi tổ chức mừng lục tuần cho ai, người ta thường phải lên Sóc Trăng tìm các ông thầy giỏi để hỏi xem có hợp tuổi không. Xưa kia từ 61 tuổi người ta có thể tổ chức lễ đáo tuế, nhưng hiện nay ít ai làm lễ đáo tuế ở tuổi 61 như trước mà phải trên 70, vì hiện nay 61 tuổi còn chưa già, do tuổi thọ của người dân tăng lên. Vào dịp bát tuần (81 tuổi) và cửu tuần (91 tuổi) mới được xem là mừng Thượng thọ

Khi trong gia đình tổ chức lễ mừng thọ cho ông bà, cha mẹ, thì mọi thành viên tụ họp lại chúc mừng và tặng quà. Quà tặng cho lễ mừng thượng thọ thường là quần áo mới bằng gấm màu đỏ. Trang phục này cũng có ý nghĩa là áo quần "dưỡng thọ" để dành cho ngày trăm tuổi. Người Hoa Triều Châu không có tục mua sẵn quan tài "bảo thọ" như người Kinh.

Tại Vĩnh Châu, các gia đình người Hoa Triều Châu tổ chức lễ đáo tuế mừng ông bà, cha mẹ với rất nhiều nghi thức cổ xưa theo phong tục tập quán truyền thống. Một lễ đáo tuế ở xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu được tổ chức như sau: một đĩa bánh bò nổi to phồng in chữ Phúc - Lộc - Thọ, một đĩa đầy có ngọn bánh trái đào màu hồng (biểu tượng sự trường thọ), một ổ bánh kem

Con cháu chúc thọ bằng bánh quả đào tại xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu

Ảnh: Yến Tuyết

Con dâu gắp mì mời mẹ chồng với ý nghĩa cầu trường thọ

Ảnh: Yến Tuyết

to với hàng chữ " Mừng lễ thượng thọ bà nội", cùng các chén xôi chè. Trên bàn thờ Ông Bổn, bàn thờ Tổ đường cũng có một mâm cúng, nơi trang thờ Thần Tài, Thổ Địa… cũng có thức cúng để cầu phúc cho bà cụ. Con cháu tề tựu xung quanh chúc mừng mẹ và bà của mình và mỗi người đều nhận được một chiếc bánh trái đào với ý nghĩa chúc thọ. Người con dâu cả bưng chén mì đứng cạnh mẹ chồng, gắp tượng trưng một ít mì sợi mời mẹ dùng. Sở dĩ người Hoa dùng món mì sợi trong lễ mừng thọ vì mì sợi tiếng Quảng Đông là "sầu mìn", nghĩa là trường thọ.

Người Khmer ở Sóc Trăng ít tổ chức mừng thọ cho ông bà, cha mẹ như người Kinh và người Hoa, chỉ có một số gia đình kết hợp mừng thọ vào dịp lễ Chôl Chnăm Thmây chứ không tổ chức riêng cho từng người. Vào dịp lễ Chôl Chnăm Thmây, con cháu người Khmer thường thực hiện nghi thức "tắm ông bà, cha mẹ" ở sân nhà bằng nước ấm pha với nước hoa để chúc phúc. Người già nào được con cháu thực hiện nghi thức này sẽ cảm thấy hạnh phúc và tự hào bởi được con cháu thể hiện lòng hiếu thảo, quan tâm.

5. Phong tục, tập quán trong nghi thức tang lễ

Phong tục, tập quán trong tang lễ của người Kinh và người Hoa nói chung khá giống nhau. Tôn giáo và giáo lý cũng góp phần tạo ra phong tục trong tang lễ của mỗi dân tộc. Người Kinh và người Hoa ảnh hưởng Nho giáo, tôn giáo này có những chi phối đáng kể trong phong tục tập quán về tang lễ.

Nhiều dân tộc, trong đó có người Kinh, người Hoa quan niệm chết chưa phải là hết. Người ta tin rằng con người vốn có hai phần: thể xác và linh hồn, sau khi chết linh hồn sẽ rời khỏi thể xác để về với một thế giới khác. Người chết vẫn tiếp tục chi phối người sống, tiếp tục ảnh hưởng đến sinh mệnh, sự thịnh, suy, giàu, nghèo và tương lai cuộc sống của nhiều đời con cháu. Chính vì thế mọi nghi thức liên quan đến trước và sau tang lễ đều được người Kinh và người Hoa hết sức quan tâm. Nghi thức thổ táng trong tang lễ người Kinh, người Hoa, đặc biệt là người Hoa Triều Châu diễn ra với rất nhiều nghi lễ phức tạp. Những nghi thức đó được ghi chép và giải thích trong các sách "Thọ Mai gia lễ" là sách do thượng thư Hồ Gia Tân (Thọ Mai cư sĩ) đời Hậu Lê soạn thảo. Tập tục ghi chép trong sách này đơn giản và thích hợp với người Kinh hơn là phong tục "Văn công gia lễ" do Chu Hy đời Tống ở Trung Quốc biên soạn. So với các nhóm người Hoa khác ở Sóc Trăng thì người Hoa Triều Châu là cộng đồng cư dân đông nhất và có phong tục tập quán về tang lễ đa dạng nhất. Người Hoa Triều Châu hầu như còn giữ được nhiều tục lệ truyền thống về tang lễ.

Khi tang phục may xong, người ta ra bàn thờ Thiên trước sân nhà đốt nhang xin phép cho con cháu trong gia đình được lĩnh tang, sau đó mới được mặc tang phục. Vai vế, vị trí của thân nhân người quá cố được người Hoa phân biệt rất rõ ràng qua tang phục. Tang phục của con trai ngoài quy định chuẩn mực với áo xô và áo gai, mũ bít cân, gậy...

Quan tài mang cá của người Hoa ở Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

còn cột thêm một túi đậu bằng vải bố, buộc túm thành 3 cục, bên trong để 5 loại hạt: đậu đỏ, đậu đen, hạt mè trắng, mè đen, lúa. Ý nghĩa của nghi thức này là ông bà cha mẹ mất đi để lại 5 thứ đậu tượng trưng cho dòng giống ngũ đại của gia tộc, cho con cháu nhiều đời sau. Con rể nếu cha mẹ ruột còn sống thì không được để tang cha mẹ vợ mà chỉ cần cài miếng vải đỏ may dính vào cái khăn màu trắng với ý nghĩa trả lễ cho cha mẹ vợ. Con dâu mặc tang phục như con gái ruột (nếu con gái chưa có gia đình) vì xem như đã thuộc về nhà chồng. Nếu người quá vãng có cháu trai thì các cháu đó mặc tang phục đứng vịn hai bên quan tài. Tang phục của cháu ngoại là áo tang có đường ráp lộn ra ngoài như áo trái, còn cháu nội mặc áo tang may bình thường, đó cũng là dấu hiệu để phân biệt bên nội, bên ngoại, ngoài ra còn dấu hiệu khác để phân biệt là khăn tang của cháu nội có chấm xanh, khăn tang của cháu ngoại có chấm đỏ.

Phong tục đặt quan tài và bàn cúng của người Hoa là vị trí đầu của người chết quay về phía trong nhà, còn chân quay ra cửa (điều này ngược lại với phong tục người Kinh trước đây là quan tài đặt hướng đầu của người chết quay ra cửa, còn chân quay vào trong nhà, hiện nay có sự giao thoa văn hóa với người Hoa nên có trường hợp người Kinh đặt quan tài hướng đầu người chết vào trong, chân quay ra cửa. Phong tục này chỉ có khi người Kinh kết hôn với người Hoa hoặc cùng ở khu dân cư đông người Hoa). Sở dĩ có sự khác biệt ấy vì người Hoa quan niệm khi di quan ra cửa, chân sẽ ra trước, còn đầu của người chết đặt quay vào nhà là quay về

phía mặt trời lặn (phía Tây). Riêng bàn cúng đặt ở phía chân của người chết với ý nghĩa là vị trí ấy tiện cho người quá cố ngồi dậy ăn cơm cúng.

Khi người mới qua đời còn quàn ở nhà, người Hoa Triều Châu tại Sóc Trăng thực hiện rất nhiều nghi thức cổ truyền, như "mua" nước để rửa quan tài (nước biển, nước sông, nước giếng...), xuất phát từ tục mua nước của thần sông. Con trai và cháu đích tôn mang siêu sành nhỏ, nhang đèn, trái cây, giấy vàng bạc ra bến sông làm lễ mua nước của thần sông để rửa quan tài và tắm cho linh hồn người chết. Người ta dùng cây tre hay cây trúc làm thành một khoanh tròn có dán miếng vải trắng để cắm cây trúc xuống đất, xong đốt nhang xin Thổ Địa cho một chút nước, rồi thả cái vòng trúc đó xuống nước và chỉ được múc nước trong phạm vi cái vòng đó đem về.

Trước khi nhập quan, nếu người qua đời là ông bà, cha mẹ, thì con cháu bưng chén cơm trên để đường cát, gắp cơm đút cho người quá cố ăn tượng trưng gọi là nghi thức nuôi cơm, có ý nghĩa để con cái ghi nhớ tạ ơn cha mẹ ngày xưa đút cơm, nuôi nấng mình nên người. Thông thường gia đình làm cơm cúng cho người chết mỗi ngày ba bữa. Từng người con cầm bình nước và cành hoa trang đỏ (tức hoa mẫu đơn đỏ) hoặc lá liễu nhúng vào tô nước và vẩy tượng trưng lên thi hài người quá cố, có ý nghĩa để con cái ghi nhớ, trả ơn cha mẹ khi còn nhỏ đã được cha mẹ tắm rửa, chăm sóc. Đặc biệt nghi thức huyết phù chỉ thực hiện khi người mẹ mất, ý nghĩa cụ thể nhằm nhớ công lao cưu mang, dưỡng dục của mẹ. Các con bày một khay có 10 chén nước pha màu đỏ và mâm thức cúng chay gồm bánh bao, tàu hủ ki, nấm, bún tàu... Cúng xong, các người con sẽ lần lượt uống hết 10 chén nước tượng trưng 10 tháng mẹ cưu mang để báo hiếu cha mẹ. Theo Ban nhạc lễ ở Vĩnh Châu kể thì ngày xưa 10 chén nước này là máu thật được trích từ các anh chị em trong nhà hòa chung lại nhằm ngụ ý anh em sẽ đoàn kết thương yêu, giúp đỡ nhau để cha mẹ yên tâm nhắm mắt. Người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng còn thực hiện nghi thức "Liên trì" với ý nghĩa nhằm giải thoát cho linh hồn người chết. Gia đình làm một cái lồng tháp kín bằng giấy, tượng trưng linh hồn người chết bị giam cầm trong đó. Con cái chắp tay xung quanh cầu nguyện cho linh hồn người thân. Thầy cúng sẽ làm phép phá cái tháp ra để linh hồn thoát khỏi nơi giam giữ.

Điểm đặc biệt trong tập tục của người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng là quan tài mang cá, không giống kiểu quan tài hình chữ nhật ở hầu hết các dân tộc khác. Chỉ biết rằng tại Sóc Trăng mới có đóng loại áo quan mang cá này, người Hoa Triều Châu ở miền Tây khi hữu sự đều đi Sóc Trăng để đặt mua loại áo quan trên. Trong nghi thức di quan, khi đội đạo tì khiêng quan tài từ trong nhà ra, một số gia đình khá giả có nghi thức "múa phá quàn, phun lửa, cướp quan tài" do các ông Nhưn quan (nhân quan) trong những đội mai táng chuyên nghiệp thực hiện. Phong tục này cũng tồn tại ở người Kinh mà ý

nghĩa sâu xa của nó như trên đã nêu, đó là nghi thức thầy cúng "múa lễ", dùng "ma thuật" là đuốc lửa và bài chú để xua đuổi ma quỷ, không cho chúng lôi cuốn linh hồn người chết đi theo.

Dưới đáy huyệt, người Triều Châu rải 5 loại đậu, tượng trưng là hạt giống sẽ sanh sôi, nảy nở cho con cháu làm ăn dễ dàng. Năm loại đậu này được xếp thành chữ "Phúc địa cát huyệt" hoặc "Phú quý" hay " Phước thổ" (lấy phước ở đất), tiếng Triều Châu là " Hóc tì". Trước lúc quan tài hạ huyệt, nhà sư dẫn tang gia đi ba vòng quanh huyệt. Khi hạ huyệt, con cháu phải ném cát tượng trưng và trước khi đắp mộ người ta còn rắc 5 giống đậu lên trên.

Khác với mộ của các nhóm người Hoa khác, mộ của người Hoa Triều Châu đều chỉ đắp đất vun cao chứ không xây kín bằng xi măng. Bia thường bằng đá thiết kế theo hình yên ngựa; ghi những chi tiết về thân thế của người quá vãng. Người ta giải thích một trong những nguyên nhân mộ chỉ đắp đất chứ không đúc xi măng vì đắp bằng đất để linh hồn người chết dễ đi ra, đi vào và dễ được siêu thoát.

Khi trở về nhà sau khi an táng, con trưởng nam bưng bát nhang vào nhà trước để thắp hương, mời linh hồn người chết là cha/mẹ trở vào nhà. Đến tối ngày thứ 6 kể từ sau khi chôn cất, tức là lần "cúng thất" đầu tiên, con cháu trong tang gia còn phải thực hiện nghi thức "qua cầu". Người Triều Châu tin rằng phải có nghi thức này sau khi mất 7 ngày thì người chết mới đầu thai được. Trưởng nam lấy quần áo, giày dép của người chết là cha hoặc mẹ mình đến trước bàn thờ tạm[1] để chào. Người ta cho rằng tới lúc này người chết mới nhận biết được rằng họ đã qua đời. Để thực hiện nghi thức qua cầu, con cháu làm chiếc cầu gỗ có bậc thang đủ để bước qua được. Hai đầu cầu làm cửa đóng kín, một đầu có hình Thổ Địa, một đầu hình quỷ canh cửa ngục. Con cháu quì hai bên cầu. Trên các bậc thang của cầu bày nhang đèn, trái cây, giấy tiền vàng bạc, nước và "tam sinh tế phẩm" (trứng, thịt, tôm), là ba loại hiến tế cúng cho ma quỷ. Sau khi nhà sư hay thầy cúng tụng kinh, có lễ nhạc phụ họa, con trưởng nam tới đầu cầu quì lạy xin được mở cửa cầu. Thầy cúng xin keo (thảy đồng xu sấp hoặc ngửa), nếu xin được thì con cháu mới được phép đi qua cầu, nếu xin keo không được thì chỉ đi xung quanh cầu. Thầy cúng cầm gậy chiêu hồn đi trước, con cháu đi theo, lần lượt bước qua cầu 7 lần (tượng trưng cho 7 lần cúng thất tức 49 ngày). Vừa đi qua họ vừa thả tiền xuống chén nước đặt dưới chân cầu nhằm xin cống nạp "ông thủy" hoặc "bà thủy" để cho vong hồn ông bà, cha mẹ được qua cầu đi đầu thai.

Theo phong tục, nhà người Hoa có tang thường treo hai lồng đèn trắng bằng giấy trước cửa nhà gọi là đại đăng, trên đèn ghi tên họ và tuổi của người qua vãng, đèn được thắp sáng mỗi đêm. Khi ghi tuổi thọ của người quá cố lên đại đăng thì phải tăng lên

1. Theo phong tục, người mới mất chưa được thờ ngay ở bàn thờ tổ tiên của gia đình mà chỉ được thờ ở một bàn thờ tạm. Đến lần giỗ đầu, người ta mới chuyển hình ảnh, bài vị, bát hương của người quá cố từ bàn thờ tạm lên bàn thờ chính.

Nghi thức xin nước của trời trong tang lễ người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

3 tuổi, có ý nghĩa mong muốn kéo dài thêm sự sống. Nếu người qua đời là nam giới thì danh tính của họ được viết bằng mực đỏ, còn nếu là phụ nữ đã có gia đình thì ghi họ nhà chồng trước, tên họ của người đó sau.

Vào tết Thanh minh (tháng 3 âm lịch), người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng có phong tục "lợp nhà mới" cho mộ bằng cách dán những mảnh giấy trắng (nếu mả mới) hoặc giấy ngũ sắc (nếu mả cũ). Ngày lễ Thanh minh không chỉ riêng người Hoa mà cả người Kinh, người Khmer đều tập trung, nô nức chăm lo cho mồ mả ông bà, cha mẹ. Mọi người như tạm dừng công việc thường ngày để đến các nghĩa trang sửa sang phần mộ, chuẩn bị thật nhiều thức ăn để cúng dâng trước các phần mộ. Khi cúng xong, mọi người trong gia đình cùng dự bữa cơm cộng cảm, chan hòa thân tình giữa người sống và người chết. Không chỉ mộ của người Hoa mới được "lợp nhà mới" bằng giấy ngũ sắc bay phấp phới mà mộ của người Kinh và các "chet đây" (tháp để cốt) trong chùa Khmer cũng dán giấy ngũ sắc như nhau, cũng cúng nơi mộ các loại bánh chung của cả ba dân tộc.

Tóm lại, phong tục tập quán trong tang lễ của người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng giống về mặt đại thể nhưng cũng có một số không giống với những nhóm người Hoa khác như Quảng Đông, Hải Nam, Hẹ (còn gọi là Khách Gia, một dân tộc của Trung Quốc), Phúc Kiến, như nghi thức xin nước rửa quan tài, nghi thức qua cầu, nghi thức huyết phù, nghi thức nuôi cơm, nghi thức liên trì... đó là các lễ tục đã tồn tại từ xa xưa trong cộng đồng cư dân này mà cho tới nay vẫn tồn tại.

Mâm cúng người mới qua đời của người Hoa Triều Châu ở Sóc Trăng

Ảnh: Yến Tuyết

Mộ của người Hoa ở Mỹ Tú

Ảnh: Yến Tuyết

Đối với người Khmer, nghi thức chủ yếu trong tang lễ là hỏa táng (bon cheabana kech), một số trường hợp đặc biệt khi mất vì tự tử, vì tai nạn, vì sinh nở... tức là những cái chết không bình thường theo quan niệm của người Khmer thì tử thi không được hỏa táng và không được nhập tháp (chet đây) trong những tháp bình thường ở chùa. Những trường hợp khác như gia đình chưa đủ điều kiện (về tài chính, về thời gian...) thì người chết tạm thời được thổ táng (bon banh chôs sâp) vài năm, khi nào có đủ điều kiện, gia đình sẽ cải táng rồi mới hỏa táng, sau đó sẽ đem tro cốt vào một "chet đây" đặc biệt nào đó trong chùa.

Nghi thức hỏa táng của người Khmer chủ yếu do một vị achar (một người có học thức và giỏi nghi lễ), đó là achar yuki (thầy cúng đám ma) hướng dẫn thực hiện. Thi thể người quá cố sẽ được liệm trong vải trắng và cột dây quanh người theo 5 vị trí: cổ, khuỷu tay, cổ tay, đầu gối, cổ chân. Người ta đặt trên bụng người chết một nải chuối xanh, tập tục này đều giống nhau ở ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa mà theo sự giải thích của nhiều người già, đó là tượng trưng một kiếp người, giống như cây chuối, từ lúc mới mọc, lớn lên, trổ bông, có trái rồi chết, như là một quy luật bình thường. Người ta đặt trên ngực của thi hài hai lá trầu có gắn kèm ba cây nhang, ngọn cây nhang hướng về phía đầu người chết có ý nghĩa là linh hồn người chết dẫn dắt thân xác của mình tới làm lễ cúng tháp, nương dựa và một lòng hướng về Đức Phật. Theo phong tục, phía trên đầu thi hài luôn luôn phải có một thúng lễ (chơng th'bâung). Trong thúng lễ của một đám tang Khmer tại xã Phú Tân, Mỹ Tú gồm có:

+ 1 cái nồi đất, bên trong đựng gạo;

+ 1 trái dừa khô đã lột sạch vỏ;

+ 1 cái đèn dầu và 2 cây nến, nhang;

+ 1 xấp vải trắng (2,2m);

+ 1 chai nước ngọt;

+ 1 cái slachôm cắm trên thân cây chuối;

+ 4 chén và 4 đũa…;

+ 1 hình nhân bằng giấy trắng…

Những món cúng trong thúng lễ (chơng th'bâung) tượng trưng cho 4 yếu tố: đất, nước, lửa, gió. Khi di quan đến nơi hỏa táng, thúng lễ "chơng th'bâung" được bưng theo để cúng. Theo phong tục Khmer, chỉ có vợ hoặc con gái của người mất mới được đội thúng lễ này. Phía chân thi hài người ta đặt lư nhang (chơng thúp) và di ảnh của người quá cố.

Các vị sư đến đọc kinh và làm nghi thức vẩy nước thơm "cầu phúc" (Ôi Pô tứt) để cầu siêu cho linh hồn người chết trước khi đặt thi hài vào trong quan tài. Thiếu nghi thức này người chết sẽ không siêu thoát. Trên nắp quan tài người ta cũng xếp các vật cúng giống như những vật đã đặt trên ngực và bụng thi hài, ngoài ra còn đốt thêm 3 cây nến tượng trưng cho "Tam bảo" (Phật, Pháp, Tăng). Trên phía đầu quan tài, người ta cắm một cây sào, treo cờ hiệu của linh hồn người quá cố ("tông pralưng" hình cá sấu, bằng vải trắng).

Lúc hỏa táng người ta cũng sẽ đốt theo luôn tông pralưng và làm phép để linh hồn người chết siêu thoát, không còn trở về nhà.

Đến giờ chuẩn bị di quan, sau khi các vị sư tụng kinh xong, ông achar yuki và 4 achar khác quay đèn cầy 3 vòng quanh quan tài. Chiếc xe thứ nhất che màn quây kín xung quanh thành xe, không cho ai được thấy ba vị sư ngồi bên trong tụng kinh. Xe thứ hai chở quan tài, có 4 vị sư đứng ở 4 góc xe. Đoàn đưa tang đi trong tiếng trống, tiếng chiêng[1]. Ông achar yuki cầm cây sào treo lá cờ hồn và một cái nồi (nơi linh hồn ẩn náu) đi trước trong đoàn người, có ý nghĩa dẫn đắt linh hồn người chết. Tại Sóc Trăng, một số gia đình người Khmer do ảnh hưởng nghi thức tang lễ của người Kinh và người Hoa nên có tục con cháu "lăn đường", nằm nối dài để "lót đường" báo hiếu cho ông bà, cha, mẹ trên một quãng đường khi người ta khiêng quan tài đi qua.

Trước khi hỏa táng người Khmer có phong tục "supbâu phlèng" (dây bện từ cỏ tranh). "Supbâu" ngày xưa là lá tranh vấn thắt lóng 3 thành một sợi dây thật dài, trước kia tranh mọc hoang nhiều, dễ tìm, nay không còn tranh nên người dân thay thế bằng vải trắng. Theo lời kể của các achar yuki ở Long Phú, Kế Sách, Vĩnh Châu thì nghi thức "supbâu" theo cổ tục có thể thực hiện trong lúc hai chiếc xe bò đưa tang đến tháp thiêu, người ta dùng một sợi dây dài vấn bằng cỏ tranh (supbâu phlèng), kết nối từ chiếc xe đầu chở ba vị sư tới chiếc xe sau chở quan tài. Trường hợp khác như đám tang diễn ra tại một sala trong chùa Khmer, các vị sư cùng con cháu của người quá cố ngồi xung quanh chiếc quan tài chờ đến giờ thực hiện nghi thức hỏa táng. Người ta dùng mảnh vải trắng dài từ 4m đến 20m (tùy theo khả năng tài chính của tang gia) để kết nối từ các vị sư tới quan tài. Các vị sư ngồi đối diện quan tài, tụng kinh cầu siêu, một vị cầm một đầu mảnh vải, còn đầu kia của mảnh gắn kết với quan tài, điều này có ý nghĩa là các vị sư giúp đưa linh hồn người quá cố về cõi Phật. Nghi thức "supbâu phlèng" mang màu sắc Phật giáo kết hợp với lớp tín ngưỡng cổ truyền. Theo phong tục, nếu con trai của người mất chưa từng đi tu ở chùa thì lúc này người con trai đó phải làm nghi thức cạo đầu để "Tu trước lửa", trả hiếu cho cha mẹ.

Đoàn người đưa tang đến nơi hỏa táng, thường là tháp thiêu "Tì pắch xá" trong khuôn viên chùa Khmer. Các vị sư đứng ở vị trí phía đầu quan tài để tụng kinh cầu siêu. Sau khi nghi thức này kết thúc, ông achar yuki đi 3 vòng quanh quan tài, cắt dây buộc xác, sau đó mới hỏa táng

Đợi khi tàn lửa, thân nhân gom tro, nhặt xương để vào thố, đem về nhà và nhờ các sư đọc kinh, sau đó mới đưa vào tháp cốt trong chùa. Qua những nghi thức nêu trên có thể thấy vai trò rất quan trọng của Phật giáo trong tâm thức, phong tục tập quán và đời sống tôn giáo của người Khmer.

1. Thạch Voi - Hoàng Túc: "*Phong tục nghi lễ người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long*" trong sách *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb. Tổng hợp Hậu Giang, 1988, tr. 120 - 124.

Hiện nay hầu hết các chùa Khmer ở Sóc Trăng đều có Hội từ thiện. Hội này vận động lập trại hòm, người dân bỏ tiền vào thùng từ thiện trong chùa (mỗi lần chỉ 500 hoặc 1.000 đồng), khi gia đình có người qua đời mà khó khăn sẽ được Hội cho mượn tiền để lo nghi thức an táng.

Cúng trong lễ hỏa táng của người Khmer ở Kế Sách

Ảnh: Yến Tuyết

Thúng cúng (chơng th'bâung) người chết trong tang lễ của người Khmer ở Phú Tân, Châu Thành

Ảnh: Yến Tuyết